

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

**NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN  
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

**1. Thông tin về dự án**

**1.1. Thông tin chung**

- **Tên dự án:** Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Quyết Tiến, xã Tiên Lãng;

- **Địa điểm thực hiện:** xã Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng;

- **Chủ dự án đầu tư:** Công ty cổ phần Công nghiệp Quyết Tiến.

- **Địa chỉ trụ sở chính:** Đường K9, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng.

Dự án được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 4413/QĐ-UBND ngày 04/11/2025; Cụm công nghiệp Quyết Tiến được thành lập tại Quyết định số 4798/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng; UBND xã Tiên Lãng phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 348/QĐ-UBND ngày 20/3/2026.

- **Tiến độ thực hiện dự án:** thực hiện theo quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 4413/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của UBND thành phố Hải Phòng

+ Từ tháng 4/2025 đến tháng 11/2026 (16 tháng): Chuẩn bị đầu tư, bồi thường giải phóng mặt bằng.

+ Từ tháng 12/2026 đến tháng 5/2028 (18 tháng): Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp, hoàn thành và đưa dự án vào hoạt động.

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất**

- Dự án được thực hiện trên tổng diện tích đất 750.000m<sup>2</sup> (75ha), gồm: Đất nhà xưởng – nhà kho 461.383,7m<sup>2</sup>; Đất công trình công cộng 40.096,9m<sup>2</sup>; Đất cây xanh – cây xanh cách ly – mặt nước 146.867,4m<sup>2</sup>; Đất hạ tầng kỹ thuật 9.452,1m<sup>2</sup>; Đất giao thông nội bộ - bãi đỗ xe 92.199,9m<sup>2</sup>

- Đầu tư xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật trên khu đất có diện tích 75ha gồm các hạng mục như sau: (1) Kè đá; (2) San nền; (3) Hệ thống giao thông, bãi đỗ xe; (4) Hệ thống thu gom, thoát nước mưa; (5) Hệ thống thu gom, thoát nước thải; (6) Hệ thống cấp điện, chiếu sáng; (7) Hệ thống cấp nước và phòng cháy chữa cháy; (8) Hệ thống thông tin liên lạc; (9) Cây xanh - mặt nước; (10) Nhà điều hành cụm công nghiệp; (11) Hệ thống xử lý nước thải công suất 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm

(gồm 02 module); (12) Hồ sự cố; (13) Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt; (14) Kho lưu giữ chất thải nguy hại; (12) Hoàn trả kênh, mương thủy lợi.

### **1.3. Công nghệ sản xuất**

Với đặc thù là dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh, khai thác, bảo trì hạ tầng CCN, công nghệ sản xuất của Dự án liên quan đến quá trình quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng trong CCN. Trong quá trình vận hành, Chủ dự án đóng vai trò là đơn vị đầu tư và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật. Việc đầu tư xây dựng các nhà máy, xí nghiệp do các nhà đầu tư thứ cấp thực hiện theo các dự án riêng trên cơ sở thỏa thuận với Chủ đầu tư dự án.

Quản lý hoạt động đầu nối hạ tầng kỹ thuật:

- Đầu nối hệ thống thu gom và thoát nước thải: Hoạt động đầu nối hệ thống thu gom nước thải của các nhà đầu tư thứ cấp vào CCN tuân thủ theo quy chế quản lý chung và quản lý của chủ dự án về đầu nối hạ tầng. Yêu cầu về quản lý chất lượng nước thải từ các nhà máy xí nghiệp khi đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý tập trung của CCN.

- Thu gom rác thải và vệ sinh môi trường: Các nhà máy trong CCN có trách nhiệm tự thu gom, quản lý và hợp đồng với đơn vị có năng lực xử lý theo quy định. Hoạt động bảo trì, bảo dưỡng công trình hạ tầng kỹ thuật: Trong giai đoạn vận hành dự án bao gồm việc vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án do Chủ dự án thực hiện theo quy định của nhà nước, cụ thể:

- Hoạt động của hệ thống giao thông: Việc tuân thủ bảo trì, bảo dưỡng hệ thống đường giao thông được thực hiện thường xuyên theo quy định hiện hành về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Hệ thống cấp thoát nước và vệ sinh môi trường: Duy trì vận hành hệ thống cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, đảm bảo khả năng vận hành tối đa công suất thiết kế các hạng mục này. Công tác bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa được thực hiện thường xuyên trong suốt quá trình vận hành dự án.

Ngoài ra, dự án thực hiện đầy đủ những vấn đề môi trường liên quan đến sự cố, rủi ro trong vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án.

### **1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư**

#### **1.4.1. Các hạng mục công trình của Dự án**

- Kè đá;
- San nền;
- Hệ thống giao thông, bãi đỗ xe;
- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa;

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải;
- Hệ thống cấp điện, chiếu sáng;
- Hệ thống cấp nước và phòng cháy chữa cháy;
- Hệ thống thông tin liên lạc;
- Cây xanh - mặt nước;
- Nhà điều hành cụm công nghiệp;
- Hệ thống xử lý nước thải công suất 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm (gồm 02 module);
- Hồ sự cố;
- Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt;
- Kho lưu giữ chất thải nguy hại;
- Hoàn trả kênh, mương thủy lợi

#### *1.4.2. Các hoạt động của Dự án*

- Giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng của Dự án: đền bù giải phóng mặt bằng; san nền; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công; hoạt động xây dựng công trình; hoạt động vận chuyển chất thải đi đổ thải; hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng.

- Giai đoạn vận hành:

+ Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên quản lý, vận hành hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp.

+ Hoạt động thu gom nước thải sau xử lý sơ bộ từ các cơ sở thứ cấp trong phạm vi Cụm công nghiệp về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm (gồm 02 module); hoạt động vận hành trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B); hoạt động nạo vét hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải trong phạm vi Cụm công nghiệp.

+ Hoạt động thu gom, phân loại các loại chất thải (chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại) phát sinh từ hoạt động quản lý, vận hành hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp và chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Hoạt động xả nước thải sau xử lý ra môi trường.

#### *1.4.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường:*

- Phạm vi báo cáo: Chỉ đánh giá tác động môi trường đối với hạng mục xây dựng hạ tầng đồng bộ CCN Quyết Tiến. Các đơn vị thứ cấp khi thu hút vào CCN

sẽ tiến hành lập báo cáo ĐTM hoặc kế hoạch BVMT riêng cho đặc thù từng loại hình sản xuất.

### **1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:**

Theo quy định tại khoản 4, Điều 25 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ (xác định dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường), Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

## **2. Các nội dung tham vấn**

### **2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư**

Địa điểm thực hiện dự án tại xã Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, tổng diện tích lập quy hoạch: 75ha. Ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Tây Bắc giáp thôn Tất Cầu và đường trục xã;
- Phía Đông Bắc giáp ranh giới hành lang bảo vệ đê phía đông thuộc đê tả sông Văn Úc;
- Phía Đông Nam giáp mương Cái, thôn La Cầu và cụm Công Nghiệp Thị trấn Tiên Lãng;
- Phía Tây Nam giáp với kênh Thủy Nông và khu nghĩa trang xã.

Tọa độ khép góc dự án thể hiện trong bảng sau:

**Bảng 1. Thống kê mốc tọa độ khép góc dự án**

Tên điểm	Tọa độ	
	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°45' múi chiếu 3 <sup>0</sup>	
	X	Y
M1	2.294.145,578	583.959,034
M2	2.294.710,561	583.495,6543
M3	2.294.841,6817	583.329,1576
M4	2.294.868,441	583.282,7643
M5	2.295.504,4207	583.844,988
M6	2.295.377,3327	584.019,749
M7	2.295.352,3325	584.030,7731
M8	2.295.257,7376	584.156,8191
M9	2.295.050,794	584.342,4994
M10	2.294.816,6474	584.081,8093
M11	2.294.522,706	584.362,745

Tên điểm	Tọa độ	
	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°45' múi chiếu 3 <sup>0</sup>	
	X	Y
M12	2.294.247,3463	584.032,4389
M1	2.294.145,578	583.959,034

Vị trí dự án thể hiện trong hình 1:



**Hình 1. Vị trí dự án**

**\* Hiện trạng quản lý, sử dụng đất, mặt nước của dự án.**

**a. Hiện trạng sử dụng đất khu vực dự án**

- Tổng diện tích quy hoạch của dự án là 75 ha. Thống kê hiện trạng sử dụng đất khu vực thực hiện dự án được tổng hợp trong bảng dưới đây:

**Bảng 1. Hiện trạng sử dụng đất**

TT	Diện tích đất	Ký hiệu	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )
1	Diện tích đất chăn nuôi tập trung	CNT	14.882,0
2	Diện tích đất chuyên trồng lúa nước	LUC	637.240,1
3	Diện tích đất thủy lợi	DTL	22.447,7
4	Diện tích đất bãi thải, xử lý nước thải	DRA	1.482,9
5	Diện tích đất xây dựng nghĩa trang	NTD	6.519,7
6	Diện tích đất trồng cây hàng năm khác	HNK	16.326,8
7	Diện tích đất giao thông	DGT	45.782,7
8	Diện tích đất xây dựng công trình năng lượng	DNL	211,2
9	Diện tích đất ở đô nông thôn + đất nuôi trồng thủy sản	ONT+NTS	433,7
10	Diện tích đất ở đô nông thôn	ONT	24,8
11	Diện tích đất trồng cây lâu năm	CLN	240,7
12	Diện tích đất mặt nước chuyên dùng	MNC	327,7
13	Diện tích đất trồng cây hàng năm khác+đất nuôi trồng thủy sản	HNK+NTS	4.080,0
	<b>Tổng diện tích</b>		<b>750.000,0</b>

*Nguồn: Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án*



**Hình 2. Một số hình ảnh hiện trạng đất khu vực thực hiện dự án**

### ***b. Hiện trạng cao độ nền khu vực dự án***

Khu đất thực hiện dự án có địa hình không bằng phẳng, chủ yếu là đất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, kênh mương thủy nông, đường giao thông nội đồng:

- Khu ruộng có cao độ từ từ +0,2m đến + 0,9m.
- Đường nội đồng có cao độ từ 1,0 đến +1,5m.
- Kênh mương có cao độ từ -0,5m đến -0,2m.

### ***c. Hiện trạng công trình kiến trúc khu vực dự án***

Trong phạm vi khu vực thực hiện dự án có 2 công trình nhà ở kiên cố phải di dời và một số công trình tạm phục vụ nuôi trồng thủy sản. Khi thực hiện dự án, người dân sẽ tự phá dỡ công trình, bàn giao mặt bằng cho dự án.

Theo hiện trạng khảo sát trong phạm vi thực hiện dự án hiện có: Các khu mộ đơn lẻ với tổng số khoảng 25 mộ; Khu nghĩa trang tập trung với quy mô khoảng 672 mộ. Để đảm bảo việc triển khai dự án theo đúng quy hoạch được duyệt, Chủ dự án cam kết sẽ phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan để thực hiện công tác di dời đảm bảo đúng quy định, an toàn, văn minh và phù hợp với phong tục tập quán.



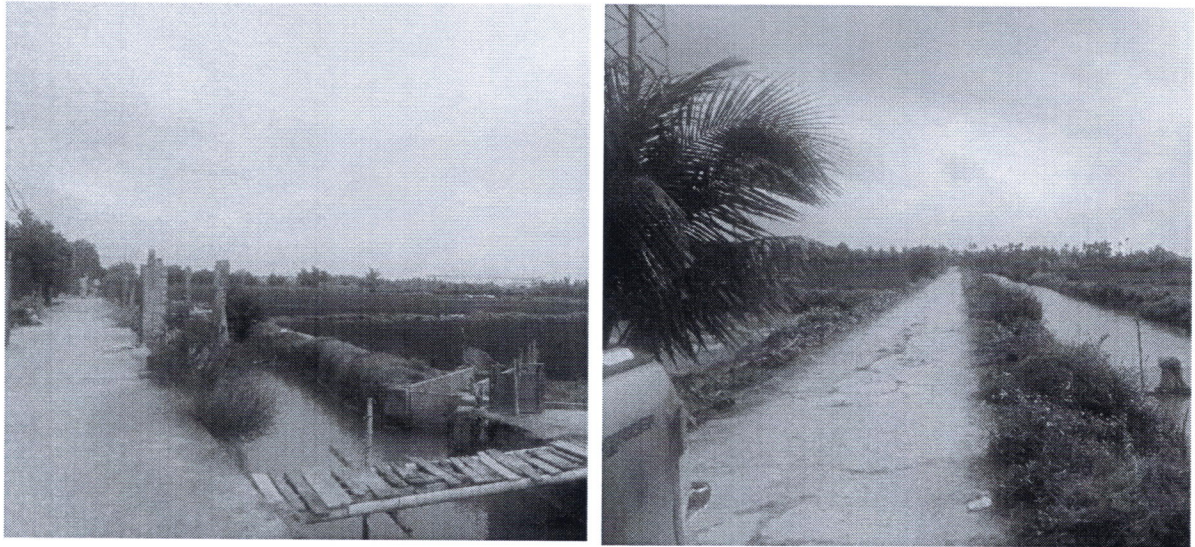
***Hình 3. Hình ảnh hiện trạng các công trình trong khu vực thực hiện dự án***

### ***d. Hiện trạng các công trình hạ tầng kỹ thuật khu vực dự án***

- Giao thông đối ngoại:
  - + Phía Đông Nam khu vực lập quy hoạch là trục giao thông chính của Cụm công nghiệp thị trấn Tiên Lãng kết nối với Đường tỉnh 354 có chiều rộng mặt đường 15,0m có kết cấu mặt đường bê tông nhựa, vỉa hè hai bên rộng  $2 \times 5 = 10\text{m}$ .
- Giao thông trong khu vực lập quy hoạch:
  - + Cắt qua khu vực song song với kênh Ông Thụ có tuyến đường dân sinh đi từ UBND xã Tiên Lãng đến thôn La Cầu hướng lên đê hữu sông Văn Úc, chiều

rộng trung bình 3,0-3,2m. Kết cấu đường bê tông, chất lượng trung bình.

+ Ngoài ra chủ yếu khu vực lập quy hoạch là đất ruộng, ao hồ nuôi trồng thủy sản nên có các tuyến giao thông nội đồng đã được bê tông hóa với bề rộng trung bình khoảng 2-3m.



**Hình 4. Hình ảnh tuyến đường giao thông khu vực thực hiện dự án**

**e. Hiện trạng cấp điện:**

- Trong ranh giới dự án có tuyến đường điện 110kV cắt ngang qua, đây là tuyến đường điện cao thế hiện hữu của khu vực. Dự án đề xuất giữ nguyên tuyến đường điện này theo hiện trạng và quy hoạch dải cây xanh chuyên dụng tạo hành lang an toàn lưới điện theo quy định. Cao độ san nền của dự án là 2.1, tương đương với cao độ móng hệ thống cột điện 110kV đi qua dự án. Chiều cao đường dây dẫn thấp nhất đến mặt móng cột điện là từ 12-16m. Trong toàn bộ hành lang an toàn đường dây 110kV không có công trình kiến trúc, đảm bảo độ cao tĩnh không an toàn lưới điện theo nghị định 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.

- Ngoài ra, trong phạm vi dự án có 01 trạm biến áp Tắt Cầu 400kVA-35/0,4kV và đường dây 35kV của khu vực đi qua. Khi thực hiện dự án sẽ tiến hành thực hiện tháo dỡ đường dây 35kV hiện trạng trong ranh giới dự án, di chuyển trạm biến áp hiện trạng 400kVA- 35/0,4kV- Tắt Cầu đến vị trí lô đất cây xanh trong ranh giới dự án (phía Đông dự án), đảm bảo khoảng cách an toàn điện và hoàn trả cấp nguồn cho biến áp hiện trạng 400kVA- 35/0,4kV- Tắt Cầu bằng tuyến cáp ngầm 35kV-AXV/DSTA/PVC 3x300mm<sup>2</sup>



*Hình 5. Hiện trạng tuyến đường điện 110kV và trạm biến áp 400kVA-35/0,4kV trong khu vực thực hiện dự án*

#### **f. Hiện trạng cấp nước**

- Dân cư khu vực thôn La Cầu xã Tiên Lãng và khu vực xung quanh đang dùng nước từ Nhà máy nước Cầu Nguyệt.
- Dọc theo Cụm công nghiệp Thị trấn Tiên Lãng hiện trạng có tuyến ống cấp nước D150, tiếp giáp khu vực quy hoạch nguồn cấp từ Nhà máy nước Cầu Nguyệt.
- Trong khu vực lập quy hoạch là đất ruộng nên chưa có đường ống cấp nước. Dự án sẽ thực hiện đấu nối với tuyến ống cấp nước hiện có từ Nhà máy nước Cầu Nguyệt phía Đông Nam dự án.

#### **g. Hiện trạng kênh mương, thoát nước mặt khu vực dự án**

Trong phạm vi thực hiện dự án là 2 tuyến kênh chính được nối với Kênh Trục 1 là kênh Ông Thư có điểm đầu là Cống Cái km 10+344 đê hữu Văn Úc, điểm cuối là kênh Thủy Nông, chiều rộng từ 7,5m đến 8,5m; kênh hai xã, và kênh tưới sau Trạm bơm Đồng A, kênh tưới sau trạm bơm Cổ Duy, các tuyến kênh nội đồng và trạm bơm Cổ Duy. Chủ dự án sẽ tiến hành hoàn trả kênh Ông Thư bằng kênh xây có chiều dài 444,74m; bề rộng đáy kênh B đáy = 5,70m; chiều cao mái kênh 3,10m, độ dốc mái kênh  $m=1.50$ ; Bề rộng đỉnh kênh  $Bđ=15m$ . Kết cấu mái kênh: Gia cố đá học xây vữa XM M100 dày 25cm trên lớp vải địa kỹ thuật ngăn cách loại 12 Kn/m. Chân khay bằng BTXM M200 đá 2x4 đổ tại chỗ, phía dưới đệm đá dăm dày 10cm, trên hệ cọc tre mật độ 20 cọc /1m<sup>2</sup>, chiều dài 2,5m. Cao độ điểm đầu kênh kết nối với cống hộp BxH=2.5x2.5m hoàn trả: -1.00, điểm cuối kết nối với cống hộp (BxH)=2.5x2.5m có cao độ -1.00.



*Hình 6. Hình ảnh hiện trạng kênh mương khu vực dự án*

#### ***h. Hiện trạng thoát nước thải khu vực dự án***

Trong phạm vi dự án chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải

**\* Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường (kèm theo sơ đồ)**

- Khoảng cách từ ranh giới dự án đến khu vực nhà dân gần nhất khoảng 185m, tại vị trí phía Tây, khu vực xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung của dự án. Căn cứ QCVN 01:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động xấu đến sức khỏe con người, quy định:

+ Khoảng cách an toàn về môi trường ( $L_{KCATMT}$ ) là khoảng cách tối thiểu từ nguồn phát sinh ô nhiễm (hoặc nhà, công trình bao chứa nguồn phát sinh ô nhiễm) đến công trình hiện hữu và hợp pháp của khu dân cư gồm: nhà ở riêng lẻ, nhà chung cư, công trình giáo dục, y tế, văn hóa xã hội, thể thao, du lịch và các công trình công cộng có tập trung dân cư khác.

+ Khoảng cách an toàn về môi trường cơ sở ( $L_{KCCS}$ ) là khoảng cách an toàn về môi trường từ các hạng mục công trình đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động xấu đến sức khỏe con người.

+ Giá trị khoảng cách an toàn về môi trường cơ sở từ nguồn thải đến công trình gần nhất của khu dân cư đối với trạm xử lý nước thải như sau:

**Bảng 2. Giá trị khoảng cách an toàn về môi trường cơ sở từ nguồn thải đến công trình gần nhất của khu dân cư**

STT	Hạng mục	Khoảng cách an toàn về môi trường cơ sở (L <sub>KCCS</sub> )
<b>I</b>	<b>Nhà máy, trạm xử lý nước thải</b>	
1	Công trình xử lý nước thải bằng phương pháp cơ học, hóa lý và sinh học: - Quy mô công suất nhỏ dưới 5.000 m <sup>3</sup> /ngày.	100
2	Công trình xử lý nước thải bằng phương pháp cơ học, hóa lý và sinh học được xây dựng ngầm và có hệ thống thu gom, xử lý mùi (khí gây mùi): - Quy mô công suất nhỏ dưới 5.000 m <sup>3</sup> /ngày.	15

*Nguồn: QCVN 01:2025/BTNMT*

- Xung quanh hàng rào khu vực dự án bố trí dải cây xanh cách ly 10m. Trạm xử lý nước thải tập trung của dự án có công suất thiết kế 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, công nghệ cơ học, hóa lý và sinh học; các bể xử lý được xây dựng nửa chìm, nửa nổi, không có hệ thống thu gom, xử lý mùi. Vị trí xây dựng trạm XLNT được bố trí tại khu đất hạ tầng kỹ thuật ký hiệu KT-2 của dự án, cách nhà dân gần nhất khoảng 185m, do đó đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định của QCVN 01:2025/BTNMT.

- Phía Đông Bắc giáp ranh giới hành lang bảo vệ đê phía đông thuộc đê tả sông Văn Úc và sông Văn Úc.

- Dự án cách khu dân cư thôn La Cầu khoảng 60m về phía Đông.

- Phía Đông Nam của dự án tiếp giáp CCN thị trấn Tiên Lãng gần nhất khoảng 10m.

- Phía Nam của dự án tiếp giáp nghĩa trang nhân dân Cổ Duy và kênh thủy nông khoảng 20m.

## **2.2. Tác động môi trường của dự án đầu tư:**

### **2.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng**

#### *2.2.1.1. Nước thải, khí thải*

#### **\* Nguồn phát sinh, tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của nước thải**

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng trên công trường giai đoạn thi công khoảng 4,5 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: TSS, BOD<sub>5</sub>, Sunfua, Amoni, NO<sub>3</sub><sup>-</sup>, PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>, Coliforms.

- Hoạt động vệ sinh dụng cụ, máy móc, thiết bị thi công và hoạt động vệ sinh phương tiện ra vào công trường thi công phát sinh nước thải xây dựng với lưu lượng khoảng 20,04 m<sup>3</sup>/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: TSS, dầu mỡ khoáng.

**\* Nguồn phát sinh, tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của Khí thải**

- Bụi phát sinh chủ yếu từ hoạt động phá dỡ công trình, dọn dẹp mặt bằng, đào đắp, san nền, tập kết nguyên vật liệu, vận chuyển nguyên vật liệu thi công, đất đá thải, phế thải và hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển và các hoạt động của máy móc thi công sử dụng dầu DO. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>,...

**2.2.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại**

**\* Nguồn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt**

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với khối lượng khoảng 90 kg/ngày với thành phần chủ yếu là bao bì, vỏ lon đựng nước giải khát, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...

**\* Nguồn phát sinh, tính chất (loại) của chất thải rắn công nghiệp thông thường**

- Hoạt động phát quang, dọn dẹp thực bì phát sinh chất thải thực bì với tổng khối lượng khoảng 478 tấn. Thành phần chủ yếu là cành, lá, rễ cây, cỏ dại.

- Hoạt động phá dỡ công trình hiện trạng phát sinh khoảng 2.342,93m<sup>3</sup>. Thành phần chủ yếu gạch, vữa, bê tông.

- Hoạt động đào, bóc lớp đất bề mặt diện tích đất chuyên trồng lúa phát sinh đất đào hữu cơ với tổng khối lượng khoảng 146.918,15 m<sup>3</sup>.

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án phát sinh chất thải rắn xây dựng với khối lượng phát sinh khoảng 1.598,39 tấn. Thành phần chủ yếu là gạch vỡ, bê tông thừa, vỏ bao xi măng, đầu mẫu sắt thép thải bỏ,...

**\* Nguồn phát sinh, tính chất (loại) của chất thải nguy hại**

Hoạt động vận hành công trường thi công, hoạt động bảo dưỡng máy móc, thiết bị thi công và hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án phát sinh chất thải nguy hại với tổng khối lượng trung bình khoảng 10 kg/tháng. Thành phần chủ yếu gồm: giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại, dầu thải,...

**2.2.1.3. Tiếng ồn, độ rung (nguồn phát sinh và quy chuẩn áp dụng)**

Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải phát sinh tiếng ồn và độ rung.

QCVN áp dụng: QCVN 26:2025/BTNMT về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT về độ rung.

**2.2.1.4. Các tác động khác**

- Việc chiếm dụng đất ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội và hoạt động canh tác, sản xuất nông nghiệp của người dân khu vực Dự án.

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình của Dự án và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, đá thải, phế thải có khả năng gây ngập úng, gây hư hại đường giao thông, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy nổ.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất trật tự an ninh xã hội khu vực Dự án.

- Hoạt động vận hành Dự án có khả năng xảy ra sự cố cháy nổ, sự cố đối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung.

- Hoạt động chiếm dụng đất kênh mương thủy lợi ảnh hưởng đến khả năng tưới tiêu diện tích đất nông nghiệp khu vực.

### **2.2.2. Giai đoạn vận hành**

#### **2.2.2.1. Nước thải, khí thải**

##### **\* Nguồn phát sinh, quy mô (lưu lượng tối đa), tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của nước thải**

Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp từ các đơn vị thứ cấp, từ hoạt động vận hành hạ tầng cụm công nghiệp khoảng 2.796 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Thông số ô nhiễm phụ thuộc ngành nghề thu hút vào CCN đặc trưng gồm: TSS, Amoni, Tổng N, Tổng P, COD, BOD<sub>5</sub>, Coliform và một số thông số ô nhiễm kim loại nặng, tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua,...

##### **\* Nguồn phát sinh, quy mô (lưu lượng tối đa), tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của khí thải**

- Hoạt động của các phương tiện vận chuyển ra vào Dự án phát sinh bụi và khí thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Bụi, CO, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>..

- Hoạt động tập kết chất thải rắn sinh hoạt và hoạt động vận hành trạm xử lý nước thải tập trung của Dự án phát sinh khí thải, khí thải gây mùi hôi. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: H<sub>2</sub>S, CH<sub>4</sub>, Metyl mercaptan (CH<sub>3</sub>SH).

#### **2.2.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại**

##### **\* Nguồn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt**

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên thực hiện quản lý, vận hành hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với khối lượng khoảng 15 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì, vỏ lon đựng nước giải khát, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...

##### **\* Nguồn phát sinh, tính chất (loại) của chất thải rắn công nghiệp thông thường**

- Bùn thải phát sinh từ hoạt động của trạm XLNT tập trung với khối lượng phát sinh lớn nhất khoảng 1 tấn/ngày.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ các dự án đầu tư thứ cấp, thành phần và khối lượng phụ thuộc vào ngành nghề thu hút đầu tư.

**\* Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng), tính chất (loại) của chất thải nguy hại**

- Hoạt động quản lý, vận hành hạ tầng kỹ thuật và trạm xử lý nước thải của Dự án phát sinh chất thải nguy hại với tổng khối lượng khoảng 1.310 kg/năm. Thành phần chủ yếu gồm: Bao bì, thùng chứa hóa chất, giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại...

- Chất thải nguy hại phát sinh từ các dự án đầu tư thứ cấp, thành phần và khối lượng phụ thuộc vào ngành nghề thu hút đầu tư.

**2.2.2.3. Tiếng ồn, độ rung (nguồn phát sinh và quy chuẩn áp dụng)**

Hoạt động sản xuất của các nhà đầu tư thứ cấp, hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông ra vào Cụm công nghiệp và hoạt động vận hành trạm xử lý nước thải của Dự án phát sinh tiếng ồn và độ rung.

QCVN áp dụng: QCVN 26:2025/BTNMT về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT về độ rung.

**2.2.2.4. Các tác động khác**

- Hoạt động vận hành Dự án có khả năng xảy ra sự cố cháy nổ, sự cố đối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung.

**2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường:**

**2.3.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải**

**2.3.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải**

**\* Giai đoạn thi công, xây dựng**

**a. Nước thải sinh hoạt:**

- Bố trí khoảng 06 nhà vệ sinh lưu động (dung tích 2,5 m<sup>3</sup>/nhà) để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại công trường thi công; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định, không xả thải ra môi trường.

- Quy trình thực hiện: Nước thải sinh hoạt → Nhà vệ sinh lưu động → Đơn vị chức năng bơm hút, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

**b. Nước thải xây dựng:**

- Bố trí tại công trường thi công 01 hệ thống cầu rửa xe và 01 bể lắng cấu tạo 03 ngăn với tổng dung tích khoảng 144 m<sup>3</sup> để thu gom, tách dầu và lắng cặn toàn bộ nước thải từ hoạt động vệ sinh phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công tại công trường thi công. Lắp đặt vải tách dầu thu gom lượng dầu nổi tại hố lắng. Nước thải sau khi tách dầu mỡ, lắng cặn được tái sử dụng toàn bộ vào mục đích vệ sinh phương tiện vận chuyển, làm ẩm công trường không xả thải ra môi trường.

- Quy trình xử lý: Nước thải → Bể lắng → Tái sử dụng (không xả thải ra môi trường).

### **\* Giai đoạn vận hành**

- Đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước thải tách riêng hoàn toàn với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Đầu tư xây dựng 01 trạm xử lý nước thải tập trung công suất 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm (gồm 02 module) để xử lý nước thải phát sinh trong phạm vi Dự án bằng phương pháp cơ học, hoá lý kết hợp sinh học, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B trước khi xả ra sông Văn Úc tại vị trí có toạ độ X(m) = 2295561,9194, Y= 583916,2938 (Hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°). Toàn bộ nước thải phát sinh tại mỗi công trình trong phạm vi Dự án đều được thu gom, xử lý sơ bộ đạt yêu cầu đầu nổi nước thải trước khi thoát vào hệ thống thu gom nước thải dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm (gồm 02 module) của Dự án để xử lý, cụ thể:

+ Quy trình công nghệ trạm xử lý nước thải tập trung của Dự án: Nước thải → Bể gom → Bể tách cát, dầu mỡ → Bể điều hoà → Bể trung hoà → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể sinh học thiếu khí Anoxic → Bể sinh học hiếu khí Aeroten → Bể lắng vi sinh → Bể khử trùng → Trạm quan trắc tự động → sông Văn Úc .

#### *2.3.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải*

### **\* Giai đoạn thi công, xây dựng**

- Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công phù hợp, xây dựng nội quy đối với công nhân và nhà thầu thi công xây dựng tuân thủ các quy định về an toàn, bảo vệ môi trường.

- Lắp đặt hàng rào bằng tôn cao khoảng 02 m xung quanh khu vực công trường thi công; máy móc, thiết bị tham gia thi công phải được bảo dưỡng thường xuyên; phương tiện vận chuyển phải được kiểm định chất lượng, vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải,... không để rơi rớt vật liệu; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo vệ sinh môi trường; phun nước giảm bụi tối thiểu 02 lần/ngày vào những ngày trời không mưa; bố trí 01 cầu rửa xe tại vị trí gần khu vực cổng ra vào của công trường để vệ sinh bùn đất đối với các phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường; vệ sinh định kỳ đối với các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực tập kết.

### **\* Giai đoạn vận hành**

- Các dự án đầu tư thứ cấp trong cụm công nghiệp tự chịu trách nhiệm xử lý bụi và khí thải đạt yêu cầu theo quy định về bảo vệ môi trường.

- Trồng cây xanh trên diện tích được quy hoạch trồng cây xanh trong cụm công nghiệp và trong khoảng cách ly quanh khu vực xây dựng trạm xử lý nước

thái tập trung.

### **2.3.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại**

#### **a. Giai đoạn thi công, xây dựng**

\* Chất thải rắn sinh hoạt:

- Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt có nắp đậy, dung tích khoảng 100 lít/thùng tại công trường thi công để thu gom, phân loại tại nguồn toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh theo quy định; định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

\* Chất thải rắn xây dựng:

- Sinh khối phát quang thực vật: chủ yếu thân, rễ và lá cây từ quá trình GPMB, khối lượng sinh khối này sẽ tạo điều kiện để người dân tận thu tối đa để tái sử dụng hoặc làm chất đốt.

- Bùn thải từ quá trình nạo vét kênh mương được thu gom, vận chuyển đi đổ thải theo đúng quy định.

- Chất thải rắn từ quá trình phá dỡ công trình hiện trạng được thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Phế thải xây dựng (cát, đá bần, bê tông chét, gạch vỡ...) sẽ được tập kết tạm thời trong bãi chứa tạm thời thuộc phạm vi công trình, được che chắn. Lượng chất thải rắn này sẽ được thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Toàn bộ đất hữu cơ từ hoạt động bóc bề mặt diện tích đất chuyên trồng lúa nước trong phạm vi Dự án được tập kết tại các khu vực quy hoạch trồng cây xanh và tận dụng toàn bộ vào mục đích trồng cây trong khuôn viên Dự án. Bố trí cọc, xung quanh khu vực tập kết và thực hiện phủ bạt lên phía trên bãi chứa để tránh phát tán bụi vào ngày nắng, gió và rửa trôi khi trời mưa.

\* Chất thải nguy hại

- Bố trí tại công trường thi công khoảng 04 thùng 120 lít, có nắp đậy kín, đảm bảo lưu chứa an toàn, không rò rỉ, không bay hơi, không phát tán ra môi trường và có dán mã chất thải nguy hại theo quy định để thu gom, phân loại tại nguồn toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh và tập kết về kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời tại công trường thi công diện tích khoảng 5 m<sup>2</sup>; kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời được xây dựng theo đúng quy cách, bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ, có dán nhãn và gắn biển hiệu cảnh báo theo quy định; định kỳ đơn vị thi công sẽ chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

#### **b. Giai đoạn vận hành**

\* Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường:

- Bố trí các thùng đựng rác chuyên dụng có nắp đậy, dung tích từ 60 lít ÷ 120 lít/thùng đảm bảo thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động tại khu nhà hành chính, dịch vụ của Dự án, khu vực

bãi đỗ xe và trạm xử lý nước thải tập trung; hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình vận hành của các dự án đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp do các Chủ đầu tư này tự ký hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Bùn thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung được thu gom vào bể chứa bùn sinh học, bể chứa bùn hoá lý. Bùn sau đó được ép khô, phân định nếu là chất thải thông thường chủ dự án ký hợp đồng, chuyển giao cho đơn vị có chức năng, thu gom xử lý theo quy định về chất thải rắn công nghiệp thông thường.

\* **Chất thải nguy hại:**

- Chất thải nguy hại phát sinh từ các dự án đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp do các chủ đầu tư này tự ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động, quản lý vận hành hạ tầng Cụm công nghiệp được thu gom, lưu giữ tạm thời tại kho lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 22,5 m<sup>2</sup> đặt tại trạm xử lý nước thải tập trung của CCN.

- Kho lưu giữ chất thải nguy hại được thiết kế và xây dựng theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026, trong kho bố trí các thùng chứa chuyên dụng, bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ, có dán nhãn và gắn biển hiệu cảnh báo theo quy định; định kỳ chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ chức năng đến thu gom và vận chuyển đi xử lý theo quy định của pháp luật.

- Bùn thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung sau khi ép khô, phân định nếu là chất thải nguy hại chủ dự án sẽ ký hợp đồng, chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định về chất thải nguy hại.

### 2.3.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

#### \* **Giai đoạn thi công, xây dựng**

- Sử dụng các phương tiện, thiết bị vận chuyển có chất lượng tốt, chở đúng trọng tải và được kiểm tra bảo dưỡng thường xuyên.

- Quy định tốc độ tối đa đối với các phương tiện ra vào Dự án.

- Không thi công trong khoảng thời gian từ 22h đến 6h sáng hôm sau.

#### \* **Giai đoạn vận hành**

- Trồng cây dọc tuyến đường nội bộ, khu đất cây xanh.

- Quy định tốc độ đối với các phương tiện ra vào CCN.
- Kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị của trạm XLNT.
- Các nhà đầu tư thứ cấp phải có biện pháp riêng để giảm thiểu tác động của tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án đó.

#### **2.3.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác**

##### *2.3.4.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường*

##### **\* Giai đoạn thi công, xây dựng**

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: Trang bị các phương tiện phòng cháy, chữa cháy tại khu vực công trường thi công; tập huấn công tác phòng cháy, chữa cháy và phổ biến kiến thức phòng cháy, chữa cháy cho nhân viên, công nhân của Dự án; thực hiện nghiêm chỉnh các quy chuẩn quy phạm, quy định về phòng cháy, chữa cháy trong quá trình xây dựng theo quy định; bố trí đội phòng cháy chữa cháy đảm bảo phản ứng kịp thời khi có tình huống cháy nổ xảy ra.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: Tập huấn cho công nhân về thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động, tuân thủ theo quy định về sử dụng, vận hành, bảo dưỡng, bảo quản các thiết bị, máy móc thi công; lắp đặt biển cảnh báo tại những vị trí có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động; sử dụng các máy móc, thiết bị được kiểm định, bảo đảm an toàn theo quy định hiện hành; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động làm việc trên công trường; tổ chức đội cứu hộ để sơ cứu tại chỗ trong trường hợp xảy ra tai nạn.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn giao thông: Thông tin cho chính quyền địa phương và các hộ dân trong khu vực được biết về tiến độ xây dựng dự án, để người dân được biết và sắp xếp di chuyển qua những đường khác, hạn chế tối đa việc di chuyển qua những tuyến đường đang thi công, trừ trường hợp bất khả kháng; thực hiện phân luồng giao thông hợp lý trong vận chuyển đất đá, vật liệu đến công trình; các phương tiện vận chuyển đảm bảo tuân thủ các quy định về an toàn giao thông khi lưu thông; không chở quá tải trọng xe; sắp xếp thời gian vận chuyển hợp lý.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng: Thường xuyên theo dõi tình hình mưa bão trên địa bàn để có biện pháp tổ chức thi công phù hợp; thực hiện hoàn trả kênh mương theo đúng phương án đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền chấp thuận; xây dựng hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn và thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc hệ thống tiêu thoát nước khu vực Dự án, đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng trong quá trình thực hiện Dự án.

##### **\* Giai đoạn vận hành**

a. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu đối với sự cố cháy nổ: thực hiện, tuân thủ phương án phòng cháy chữa cháy, tìm kiếm cứu nạn đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt theo quy định.

b. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố trạm xử lý nước thải tập trung:

\* Biện pháp phòng ngừa:

+ Xây dựng, hoàn thiện trạm xử lý nước thải tập trung theo đúng thiết kế; lắp đặt van chặn tại cửa xả nước thải trước khi thoát ra môi trường.

+ Lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục có camera theo dõi tại đầu ra của trạm xử lý nước thải (XLNT) tập trung công suất 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm (gồm 02 module) của Dự án; thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung để có biện pháp ứng phó sự cố.

+ Xây dựng quy trình và chuẩn bị sẵn sàng ứng phó trong tình trạng khẩn cấp.

+ Niêm yết quy trình vận hành trạm xử lý nước thải tập trung.

+ Lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành trạm xử lý nước thải tập trung.

+ Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc tại trạm xử lý nước thải tập trung, hệ thống thu gom và thoát nước thải. Đồng thời, trang bị các thiết bị dự phòng cho trạm xử lý nước thải tập trung.

+ Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành về môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp với công việc được đảm nhận. Xây dựng kế hoạch đào tạo hàng năm về ứng phó sự cố môi trường cho người lao động. Trong quá trình vận hành hệ thống, cán bộ vận hành phải tuân thủ đúng quy định vận hành đã được hướng dẫn của đơn vị thiết kế hệ thống xử lý nước thải.

+ Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

+ Lấy mẫu định kỳ hoặc đột xuất nước thải đầu ra của mỗi cơ sở thứ cấp tại vị trí đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Cụm công nghiệp. Trường hợp nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Cụm công nghiệp vượt tiêu chuẩn đầu nối, tiến hành khóa van đầu nối nước thải và khắc phục, đồng thời thông báo ngay cho cơ quan chức năng.

+ Kiểm tra việc xả nước thải của các cơ sở thứ cấp thông qua các hố ga nước thải được đặt ngoài hàng rào của doanh nghiệp.

+ Trường hợp vận hành non tải: Trạm xử lý nước thải tập trung có thiết kế được chia thành 2 module độc lập, mỗi module có công suất 1.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm (gồm 2 line). Giai đoạn đầu khi chưa thu hút được nhiều các nhà đầu tư vào Cụm công nghiệp, lượng nước thải chưa nhiều để đáp ứng công suất thiết kế của trạm XLNT nên đầu tư 01 module (gồm 2 line), bổ sung bùn hoạt tính, các loại men vi sinh để hệ thống hoạt động ổn định.

c. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải nguy hại: khu lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ và sự cố rò rỉ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển

cảnh báo theo đúng quy định.

#### *2.3.4.2. Phương án hoàn trả kênh mương thủy lợi*

Hoàn trả kênh Ông Thư bằng kênh xây có chiều dài 444,74m; bề rộng đáy kênh B đáy = 5,70m; chiều cao mái kênh 3,10m, độ dốc mái kênh  $m=1.50$ ; Bề rộng đỉnh kênh Bđ=15m. Kết cấu mái kênh: Gia cố đá hộc xây vữa XM M100 dày 25cm trên lớp vải địa kỹ thuật ngăn cách loại 12 Kn/m. Chân khay bằng BTXM M200 đá 2x4 đổ tại chỗ, phía dưới đệm đá dăm dày 10cm, trên hệ cọc tre mật độ 20 cọc /1m<sup>2</sup>, chiều dài 2,5m. Cao độ điểm đầu kênh kết nối với cống hộp BxH=2.5x2.5m hoàn trả: -1.00, điểm cuối kết nối với cống hộp (BxH)=2.5x2.5m có cao độ -1.00.

### **2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:**

Tuân thủ Luật bảo vệ môi trường, trong các giai đoạn thi công xây dựng, vận hành của Dự án, chủ dự án sẽ thực hiện chương trình quản lý môi trường.

Chương trình quản lý môi trường dự án bao gồm cơ cấu tổ chức thực hiện, tóm tắt biện pháp giảm thiểu tác động môi trường và kế hoạch thực hiện.

#### **2.4.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng**

- Thực hiện phân loại, thu gom các loại CTR sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Định kỳ chuyên giao CTR sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH cho đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

#### **2.4.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành**

##### *2.4.2.1. Giám sát định kỳ nước thải*

- Vị trí giám sát: 01 điểm sau xử lý của trạm XLNT tập trung (tại mương quan trắc trước khi xả thải ra ngoài môi trường).

- Thông số giám sát: Theo QCVN 40:2025/BTNMT (trừ các thông số đã thực hiện giám sát tự động).

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần. Riêng các thông số là tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ, tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ với tần suất giám sát là: 01 năm/lần (theo quy định tại khoản 3 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2025/BTNMT cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

##### *2.4.2.2. Giám sát tự động, liên tục nước thải*

- Vị trí: Nước thải sau xử lý tại mương quan trắc của trạm XLNT tập trung.

- Tần suất: Tự động, liên tục.
- Thông số giám sát: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, Nhiệt độ, COD, TSS, Amoni.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B.

#### 2.4.2.3. Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.
- Định kỳ chuyển giao CTR sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH cho đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

#### 2.4.2.4. Giám sát bùn thải từ trạm XLNT tập trung

- Thông số giám sát: pH, tổng Xyanua, Xyanua hoạt động, tổng dầu mỡ khoáng, phenol, benzen, Sb, As, Ni, Ba, Cd, Pb, Cr, Se, Hg, Co, Ta, Va.
- Tần suất giám sát: Trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 07:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại.

### 3. Cam kết của Chủ dự án

#### 3.1. Cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường

- Cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã nêu trong chương 6 của báo cáo
- Cam kết áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy định, chất thải phải đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường. Cụ thể như sau:
  - + Nước mưa chảy tràn từ Dự án được dẫn qua hệ thống cống thoát và các hố ga trước khi thải ra môi trường;
  - + Toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt của dự án được thu gom và hợp đồng đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định.
  - + Mức ồn do các hoạt động của Dự án đảm bảo đáp ứng quy chuẩn QCVN 26:2025/BTNMT không ảnh hưởng đến khu vực dân cư xung quanh.
- Thực hiện các biện pháp, các quy định vận chuyển đảm bảo vệ sinh môi trường, bảo vệ các công trình giao thông.
- Thực hiện quan trắc môi trường định kỳ
- Cam kết vận hành trạm XLNT với công suất 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm để đảm

bảo xử lý triệt để lượng nước thải phát sinh của dự án khi lấp đầy 100%.

- Cam kết báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành trình cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức.

- Cam kết xây dựng vận hành công trình bảo vệ môi trường theo đúng quy định hiện hành.

- Cam kết lắp đặt hệ thống giám sát tự động liên tục nước thải và kết nối dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cam kết nghiêm túc thực hiện thu gom và XLNT theo bản đồ thu gom và XLNT tại phụ lục báo cáo.

### **3.2. Cam kết với cộng đồng**

Thực hiện các cam kết như đã nêu tại Chương 7 của báo cáo

### **3.3. Cam kết tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường**

- Cam kết các giải pháp và biện pháp bảo vệ môi trường sẽ được thực hiện và hoàn thành trong các giai đoạn chuẩn bị và xây dựng đến thời điểm trước khi dự án đi vào hoạt động chính thức.

- Cam kết thi công các công trình bảo vệ môi trường để xử lý nước thải, chất thải đảm bảo các QCVN tương ứng và các quy chuẩn địa phương thành phố Hải Phòng.

- Cam kết thực hiện nghiêm túc quy định của Luật đất đai về việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

- Cam kết phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thi công và vận hành dự án đảm bảo an ninh xã hội và khắc phục kịp thời các sự cố đặc biệt là sự cố về môi trường.

- Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố và rủi ro môi trường xảy ra do triển khai dự án.

- Cam kết thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa và các quy định về đền bù GPMB theo quy định, nêu rõ quy định áp dụng.

- Công ty cam kết đảm bảo kinh phí vận hành các công trình xử lý môi trường cũng như thực hiện tất cả các biện pháp, các quy định chung của Nhà nước về bảo vệ môi trường có liên quan đến quá trình thực hiện và triển khai dự án.

- Trong quá trình triển khai và khi dự án đi vào hoạt động, chủ đầu tư phải có báo cáo gửi UBND thành phố Hải Phòng, Sở Nông nghiệp và Môi trường Hải Phòng về công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

- Cam kết trong quá trình thực hiện, nếu Dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án sẽ có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận

của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, đảm bảo các chỉ tiêu môi trường

- Đảm bảo các nguồn thải (nước thải, tiếng ồn, độ rung) phát sinh được xử lý đạt quy định của các văn bản sau:

- QCVN 40:2025/BTNMT cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;

- QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

**CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP QUYẾT TIẾN**  
**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Thanh Mạnh**